

Số: 54/QĐ-UBND

Bình Tiến, ngày 27 tháng 4 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng
phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ BÌNH TIẾN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ xác nhận của chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến về việc Hệ thống quản lý chất lượng áp dụng có hiệu lực;

Theo đề nghị của Văn phòng Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đối với các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ủy ban nhân dân xã Bình Tiến, các bộ phận chuyên môn liên quan, các cán bộ công chức chuyên môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thị xã Hương Trà;
- Chủ tịch, các PCT.UBND xã;
- Các bộ phận chuyên môn;-Lưu: VT.

Nguyễn Trung Kiên

DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO
CƠ CHẾ MỘT CỬA TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA ỦY
BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG THỊ TRẤN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN
XÃ BÌNH TIẾN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Chủ tịch UBND xã Bình Tiến)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (19 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Người có công (02 TTHC)		
1.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
2.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi		
	2. Lĩnh vực Bảo vệ chăm sóc trẻ em (06 TTHC)		
3.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
4.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em		
5.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt		
6.	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em		
7.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
8.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế		

	3. Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)		
9.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật	Quyết định số 1292/QĐ-UBND ngày 29/5/2019	
10.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật		
11.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
12.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng		
13.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế		
14.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm		
15.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm		
16.	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn.		
	4. Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)		
17.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình	Quyết định số 2227/QĐ-UBND ngày 09/10/2018	
18.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng		
19.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng		
II	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (05 TTHC)		
20.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)	Quyết định số 469/QĐ-UBND ngày 25/02/2019	
21.	Sáp nhập, chia, tách, nhóm trẻ, lớp mẫu giáo		

	độc lập		
22.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập		
23.	Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại		
24.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học		
III.	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO (05 TTHC)		
25.	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội		
26.	Thủ tục xét tặng danh hiệu gia đình văn hóa		
27.	Thủ tục xét tặng giấy khen Gia đình văn hóa	Quyết định số 2581/QĐ- UBND ngày 05/11/2018	
28.	Đăng ký hoạt động thư viện, tư nhân có vốn sách ban đầu từ 500 bản đến dưới 1000 bản		
29.	Công nhận CLB thể thao cơ sở		
IV.	Y TẾ (01 TTHC)		
30.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số	Quyết định số 888/QĐ-UBND ngày 08/4/2019	
V.	NỘI VỤ (14 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)		
31.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 12/9/2018	
32.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng		
33.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung		
34.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
35.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã		
36.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung	Quyết định số 2000/QĐ-	

37.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	UBND ngày 12/9/2018	
38.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác		
39.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung		
40.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc		
	2. Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)		
41.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị	Quyết định Số 2000/QĐ-UBND ngày 12/9/2018	
42.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề		
43.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất		
44.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến		
VI.	NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (05 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phát triển nông thôn (04 TTHC)		
45.	Xác nhận việc thực hiện hợp đồng liên kết và tiêu thụ nông sản	Quyết định số 2253/QĐ-UBND ngày 11/10/2018	
46.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		
47.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		
48.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực		

	tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ cho UBND cấp xã thực hiện)		
	2. Lĩnh vực Khuyến nông (01 TTHC)		
49.	Phê duyệt Kế hoạch khuyến nông địa phương	Quyết định số 519/QĐ-UBND ngày 04/3/2019	
VII.	TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (27 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)		
.			
50.	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
51.	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết		
	2. Lĩnh vực Đất đai (23 TTHC)		
	Mục 1. Thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã (02 TTHC)		
52.	Hòa giải tranh chấp đất đai	Quyết định số 2891/QĐ-UBND ngày 12/12/2018	
53.	Cung cấp dữ liệu đất đai		
VIII.	TƯ PHÁP (42 TTHC)		
	1. Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật (02 TTHC)		
54.	Công nhận tuyên truyền viên pháp luật	Quyết định số 25 88/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
55.	Miễn nhiệm tuyên truyền viên pháp luật		
	2. Lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở (04 TTHC)		
56.	Công nhận hòa giải viên		
57.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải		

58.	Thôi làm hòa giải viên		
59.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên		
	3. Lĩnh vực Bồi thường nhà nước (01 TTHC)		
60.	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
	4. Lĩnh vực chứng thực (11 TTHC)		
61.	Cấp bản sao từ sổ gốc	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
62.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận		
63.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản		
64.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
65.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch		
66.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch		
67.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực		
68.	Chứng thực di chúc		
69.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản		
70.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
71.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở		
	5. Lĩnh vực Hộ tịch (20 TTHC)		
72.	Đăng ký khai sinh	Quyết định	

73.	Đăng ký kết hôn	số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
74.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con		
75.	Đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con		
76.	Đăng ký khai tử		
77.	Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
78.	Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
79.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
80.	Đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới		
81.	Đăng ký giám hộ	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
82.	Đăng ký chấm dứt giám hộ		
83.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch		
84.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		
85.	Đăng ký lại khai sinh		
86.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân		
87.	Đăng ký lại kết hôn		
88.	Đăng ký lại khai tử		
89.	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch		
90.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		
91.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi		

	6. Lĩnh vực nuôi con nuôi (03 TTHC)		
92.	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 05/11/2018	
93.	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước		
94.	Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi		
IX.	QUẢN LÝ AN TOÀN ĐẬP, HỒ CHỨA THỦY ĐIỆN		
95.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập thủy điện trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 04/4/2019	
96.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp hồ chứa thủy điện thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã		

DANH MỤC

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG TẠI BỘ PHẬN TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ CỦA BAN NHÂN DÂN CÁC XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ (Thống kê đến ngày 15/6/2019)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	SỐ QUYẾT ĐỊNH	GHI CHÚ
I.	LĨNH VỰC DÂN TỘC (02 TTHC)		
1.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 08/5/2018	
2.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số		
II.	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG (21 TTHC)		
3.	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
4.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ		

5.	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
6.	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ		
7.	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng		
8.	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng khi người có công từ trần		
9.	Hưởng mai táng phí, trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần		
10.	Giải quyết chế độ đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến		
11.	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày		
12.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến được tặng huân chương, huy chương chết trước ngày 01/01/1995 mà chưa được hưởng chế độ ưu đãi	Quyết định số 2995/QĐ- UBND ngày 24/12/2018	
13.	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết		
14.	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		
15.	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến		

16.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
17.	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học		
18.	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ		
19.	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ		
20.	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ		
21.	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng hoặc Bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	
22.	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm - pu - chia		
23.	Đề nghị tặng, truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng		
III.	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI (08 TTHC)		
24.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh		
25.	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp huyện	Quyết định số 2995/QĐ-UBND ngày 24/12/2018	

26.	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi), hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng		
27.	Thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh		
28.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả người khuyết tật đặc biệt nặng)		
29.	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)		
30.	Hỗ trợ kinh phí chăm sóc đối với hộ gia đình có người khuyết tật đặc biệt nặng		
31.	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân		
IV.	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (02 TTHC)		
32.	Cấp Giấy chứng nhận kinh tế trang trại	Quyết định số 2262/QĐ-UBND ngày 12/10/2018	
33.	Cấp đổi Giấy chứng nhận kinh tế trang trại		

C	QUY TRÌNH HỆ THỐNG	
I	Quy trình bắt buộc	
1	QT-KSTL-01	Quy trình kiểm soát tài liệu
2	QT-KSHS-02	Quy trình kiểm soát hồ sơ
3	QT-ĐGNB-03	Quy trình đánh giá nội bộ
4	QT-KSSKPH-04	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp
5	QT-HĐKP-05	Quy trình hành động khắc phục
6	QT-HĐPN-06	Quy trình hành động phòng ngừa
7	QT-QLRR-07	Quy trình quản lý rủi ro
II	Quy trình nội bộ	
8	QT-TNTKQ-01	Quy trình tiếp nhận và trả kết quả

9	QT-XXLD-02	Quy trình họp xem xét lãnh đạo
10	QT-QLVB-03	Quy trình quản lý văn bản